

**GVHD: TS. Nguyễn Tú**

# **LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**



## **Nhóm 8:**

**Nguyễn Thị Minh Châu**

---

**Hoàng Bá Cường**

---

**Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp**

---

**Ngô Thị Kim Liên**

---

**Nguyễn Thị Bích Liễu**

---

# Nội Dung

1

Khái niệm về Tài sản trí tuệ và Quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng của quyền SHTT. Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPS - **Nguyễn Thị Minh Châu**

2

So sánh quy định về quyền sở hữu công nghiệp theo công ước Paris và luật SHTT Việt Nam – **Hoàng Bá Cường**

3

So sánh quy định về bảo hộ SHTT đối với mạch tích hợp hiệp ước Washington và luật SHTT Việt Nam – **Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp**

4

Quy định của PL Việt Nam về các đối tượng SHTT và tiêu chuẩn bảo hộ các đối tượng SHTT – **Ngô Thị Kim Liên**

5

Bảo đảm thực thi quyền SHTT theo Trips và Luật pháp VN – **Nguyễn Thị Bích Liễu**



# *Câu 1:*

*Khái niệm về Tài sản trí tuệ và Quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng của quyền SHTT. Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPS*

# *A. Khái niệm về Tài sản trí tuệ và Quyền sở hữu trí tuệ*

## *Tài sản trí tuệ:*

- ▣ Tài sản trí tuệ được hiểu là tất cả các sản phẩm của hoạt động trí tuệ: các ý tưởng, các tác phẩm sáng tạo văn học/nghệ thuật, các công trình khoa học, các sáng chế,... phần mềm máy tính...
- ▣ Tài sản trí tuệ là một dạng tài sản vô hình. Ngoài các đặc tính chung như các dạng tài sản vô hình khác, các tài sản trí tuệ lại có các đặc tính riêng, đó là tính sáng tạo và đổi mới (là một đối tượng mới được tạo ra hoặc là một đối tượng đã có nhưng được bổ sung cái mới).

# *A. Khái niệm về Tài sản trí tuệ và Quyền sở hữu trí tuệ*

## *Quyền sở hữu trí tuệ*

**Quyền tác giả**

**Quyền liên quan đến quyền tác giả**

**Quyền sở hữu công nghiệp**

**Quyền đối với giống cây trồng**

*( Theo Điều 4 Luật SHTT số 19/VBHN-VPQH ngày 18 tháng 12 năm 2013)*

# ***Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ***

***1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.***

***2. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.***

***3. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là giống cây trồng và vật liệu nhân giống.***

*( Theo Điều 4 Luật SHTT số 19/VBHN-VPQH ngày 18 tháng 12 năm 2013)*

# *Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPs.*

## *1. Phạm vi điều chỉnh của Hiệp định TRIPs*

Hiệp định TRIPs là Phụ lục 1C của Thỏa thuận Thiết lập Tổ chức WTO. Hiệp định có hiệu lực bắt buộc đối với tất cả các Thành viên WTO, được thông qua tại Marrakesh ngày 15 tháng 4 năm 1994 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 1995.

Hiệp định là một trong những trụ cột quan trọng nhất của WTO và bảo hộ sở hữu trí tuệ trở thành một phần không thể tách rời trong hệ thống thương mại đa phương của WTO.

# *Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPs.*

## *2. Nội dung điều chỉnh của Hiệp định TRIPs*

- Các tiêu chuẩn liên quan đến khả năng đạt được, phạm vi và việc sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ*
- Thực thi quyền sở hữu trí tuệ*
- Các thủ tục để đạt được và duy trì các quyền sở hữu trí tuệ, và thủ tục liên quan theo yêu cầu của các bên liên quan*
- Ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp*
- Các điều khoản chuyển tiếp*
- Các quy định về cơ chế; điều khoản cuối cùng*



# *Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPs.*

## *2. Nội dung điều chỉnh của Hiệp định TRIPs*

*Các tiêu chuẩn liên quan đến khả năng đạt được, phạm vi và việc sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ (thuộc phần 2)*

- **Mục 1** Bản quyền và các quyền có liên quan (Điều 9 – Điều 14)
- **Mục 2:** Nhãn hiệu hàng hoá (Điều 15 – Điều 21)
- **Mục 3:** Chỉ dẫn địa lý (Điều 22, 23 và 24)
- **Mục 4:** Kiểu dáng công nghiệp (Điều 25 và Điều 26)
- **Mục 5:** Patent (Điều 27 – Điều 34)
- **Mục 6:** Thiết kế bố trí (topograph) mạch tích hợp (Điều 35 – Điều 38)
- **Mục 7:** Bảo hộ thông tin bí mật (Điều 39)
- **Mục 8:** Khống chế các hoạt động chống cạnh tranh trong các hợp đồng li-xăng (Điều 40)

# *Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPs.*

## *2. Nội dung điều chỉnh của Hiệp định TRIPs*

### *Thực thi quyền sở hữu trí tuệ (thuộc phần 3)*

**Mục 1: Các nghĩa vụ chung** (Điều 41)

**Mục 2: Các thủ tục và các biện pháp chế tài dân sự và hành chính** (Điều 42 – Điều 49)

**Mục 3: Các biện pháp tạm thời** (Điều 50)

**Mục 4: Các yêu cầu đặc biệt liên quan đến các biện pháp kiểm soát biên giới** (Điều 51 – Điều 60)

**Mục 5: Các thủ tục hình sự** (Điều 61)

# *Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPs.*

## *2. Nội dung điều chỉnh của Hiệp định TRIPs*

- Các thủ tục để đạt được và duy trì các quyền sở hữu trí tuệ, và thủ tục liên quan theo yêu cầu của các bên liên quan (thuộc phần 4, Điều 62)*
- Ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp (thuộc phần 5, Điều 63, 64)*
- Các điều khoản chuyển tiếp (thuộc phần 6, Điều 65, 66, 67)*
- Các quy định về cơ chế; điều khoản cuối cùng (thuộc phần 7, Điều 68 – Điều 73)*

# *Phạm vi, nội dung và nguyên tắc điều chỉnh của HĐ TRIPs.*

## *3. Nguyên tắc điều chỉnh của Hiệp định TRIPs*

- a) Nguyên tắc đối xử quốc gia*
- b) Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc*
- c) Nguyên tắc minh bạch*

## *a) Nguyên tắc đối xử quốc gia*

Nguyên tắc đối xử quốc gia trong Hiệp định TRIPS được bộ phận giải quyết tranh chấp của WTO xem xét và giải thích kỹ lưỡng.

Hiệp định TRIPS đòi hỏi mỗi nước thành viên WTO dành sự bảo hộ cho công dân các nước thành viên khác “không kém thiện chí hơn” sự bảo hộ dành cho công dân của mình. Nói cách khác, bất kể mức độ bảo hộ một nước thành viên dành cho công dân của mình, nước này buộc phải áp dụng tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu do Hiệp định TRIPS thiết lập cho công dân của các nước thành viên khác.

Nếu mức độ bảo hộ của nước thành viên đó thấp hơn hoặc ngang bằng với mức độ bảo hộ do Hiệp định TRIPS thiết lập, nước thành viên đó có thể giới hạn mức độ bảo hộ cho công dân của các nước thành viên theo tiêu chuẩn bảo hộ của Hiệp định TRIPS. Nếu mức độ bảo hộ của nước thành viên đó cao hơn mức độ bảo hộ do Hiệp định TRIPS thiết lập, nước thành viên đó phải dành mức độ bảo hộ cao tương tự cho công dân của các nước thành viên khác

## **b) Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc**

Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc được quy định tại Điều 4 Hiệp định TRIPS. Nguyên tắc này không được đề cập trong những công ước về sở hữu trí tuệ được thiết lập trước Hiệp định TRIPS nhưng được quy định trong các thoả thuận khác của WTO như GATT (Điều I) và GATS (Điều 2).

Trong khi nguyên tắc đối xử quốc gia cấm một nước thành viên phân biệt đối xử giữa công dân của mình và công dân của các nước thành viên khác, nguyên tắc đối xử tối huệ quốc cấm một nước thành viên phân biệt đối xử giữa công dân của hai nước thành viên khác. Đối với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Điều 4 Hiệp định TRIPS đòi hỏi các nước thành viên của WTO dành sự bảo hộ “lập tức và vô điều kiện” “ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc miễn trừ” cho “công dân của bất kỳ nước nào khác” (bao gồm cả công dân của nước không phải là thành viên của WTO) như sự bảo hộ dành cho công dân của mình.

## *c) Nguyên tắc minh bạch*

Nguyên tắc minh bạch được biết đến lần đầu tiên trong Điều X GATT năm 1947. Trong Hiệp định TRIPS, nguyên tắc này được quy định tại Điều 63. Điều 63 yêu cầu các nước thành viên của WTO công bố các nguyên tắc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Theo Điều 63(1), các nguyên tắc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ bao gồm các luật, quy định, quyết định xét xử cuối cùng, quyết định hành chính, thoả ước giữa chính phủ của nước thành viên hoặc cơ quan chính phủ với chính phủ hoặc cơ quan chính phủ của nước thành viên khác.

Nghĩa vụ công bố này được thực hiện thông qua ba phương thức, đó là công bố chính thức (Điều 63(1)), thông báo cho Hội đồng TRIPS (Điều 63(2)), yêu cầu nước thành viên khác cung cấp thông tin và cho phép tiếp cận thông tin (Điều 63(3)). Mục đích của nguyên tắc minh bạch là “giúp cho chính phủ và các chủ thể khác được thông báo về khả năng thay đổi của pháp luật sở hữu trí tuệ của nước thành viên nhằm góp phần đảm bảo môi trường pháp lý ổn định và có thể dự báo được.



## *Câu 2:*

*So sánh quy định về quyền sở hữu công nghiệp theo công ước Paris và luật SHTT Việt Nam*





# Nội Dung

**I. Sơ lược về Công Ước Paris về Quyền SHCN**

**II. Sơ lược Quyền SHCN Việt Nam**

**III. So sánh các quy định về bảo hộ quyền SHCN theo Công Ước Paris và Luật SHTT Việt Nam**



# I. Sơ lược về Công Ước Paris về Quyền Sở Hữu Công Nghiệp

Công ước Paris về Quyền SHCN (“**Công ước Paris**”) được ký kết ngày 20/03/1883.

Được xem xét lại:

- *Brussels năm 1900.*
- *Washington năm 1911.*
- *La Hay năm 1925.*
- *Luân Đôn năm 1934.*
- *Lisbon năm 1958.*
- *Stockholm năm 1967.*
- *Và được tổng sửa đổi năm 1979.*

→ Tính đến nay, đã có **176** nước là thành viên của Công ước này.

# I. Sơ lược về Công Ước Paris về Quyền Sở Hữu Công Nghiệp (tt)

Công ước Paris áp dụng cho SHCN theo nghĩa bao gồm: sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, mẫu hữu ích, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý (*chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ*) và chống cạnh tranh không lành mạnh.

***Các quy định của Công ước Paris đề cập tới 4 vấn đề lớn:***

- ***Nguyên tắc đối xử quốc gia.***
- ***Quyền ưu tiên***
- ***Một số nguyên tắc chung đối với hệ thống bảo hộ quyền SHCN mà các nước thành viên phải tuân thủ.***
- ***Các quy định về hành chính phục vụ cho việc thi hành công ước.***

# I. Sơ lược về Công Ước Paris về Quyền Sở Hữu Công Nghiệp (tt)

→ Về cơ bản mục đích của Công ước Paris là nhằm xây dựng điều khoản có lợi cho việc đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá của công dân các nước thành viên Công ước, đồng thời xây dựng 1 số nguyên tắc chung đối với hệ thống bảo hộ quyền SHCN tại các nước thành viên trên cơ sở tôn trọng luật SHCN của các nước thành viên.



## II. Sơ lược Quyền SHCN Việt Nam

**Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam**, được Quốc Hội VN khoá XI trong kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực vào ngày 01/07/2006, là luật quy định về:

- ❖ *Quyền tác giả*
- ❖ *Quyền liên quan đến quyền tác giả.*
- ❖ ***Quyền sở hữu công nghiệp***
- ❖ *Quyền đối với giống cây trồng*
- ❖ *Và việc bảo hộ các quyền đó.*



☐ ***Quyền SHCN Việt Nam*** áp dụng hiện nay được quy định tại ***Phần BA Luật SHTT 2013.***

☐ Bao gồm 4 chương (từ chương VII – chương XI) và 98 điều (từ điều 58 – điều 156) của luật này.

## II. Sơ lược Quyền SHCN Việt Nam

Nội dung chính đề cập tới:

Chương VII: **Điều kiện bảo hộ quyền SHCN** (đc chia làm 7 Mục và quy định cụ thể từ Điều 58 – 85).

Chương VIII: **Xác lập quyền SHCN đối với sang chế, kiểu dáng CN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý** (được chia làm 4 Mục và quy định cụ thể từ Điều 86 – 120).

Chương IX: **Chủ sở hữu, nội dung và giới hạn quyền SHCN**. (được chia làm 2 Mục và quy định cụ thể từ Điều 121 – 137).

Chương X: **Chuyển giao quyền SHCN**. (được chia làm 4 Mục và quy định cụ thể từ Điều 138 – 150).

Chương XI: **Đại diện SHCN**. (được quy định cụ thể từ Điều 151 – 156).

# Nội Dung

I. Sơ lược về Công Ước Paris về Quyền SHCN

II. Sơ lược Quyền SHCN Việt Nam

**III. So sánh các quy định về bảo hộ quyền SHCN theo Công Ước Paris và Luật SHTT Việt Nam**

# A. Các quy định chính của Công ước

## Paris:

**Điều 1: Đối tượng bảo hộ SHCN bao gồm:**

1. *Patent (sáng chế).*
2. *Mẫu hữu ích*
3. *Kiểu dáng công nghiệp*
4. *Nhãn hiệu hàng hóa*
5. *Nhãn hiệu dịch vụ*
6. *Tên thương mại*
7. *Chỉ dẫn nguồn gốc hoặc tên gọi xuất xứ*
8. ***Và chống cạnh tranh không lành mạnh.***



Ngoài 8 đối tượng liệt kê trên thì tại Điều 1 này cũng nói rằng SHCN phải đc hiểu theo nghĩa rộng nhất (ko chỉ áp dụng cho công nghiệp và thương mại theo đúng nghĩa của chúng mà cho cả các **ngành sản xuất nông nghiệp**, công nghiệp khai thác và tất cả các sản phẩm chế biến hoặc sản phẩm từ nhiên như rượu vang, ngũ cốc, lá thuốc lá, hoa quả, gia súc, khoáng sản, nước khoáng, bia, hoa và bột.



# A. Các quy định chính của Công ước

## Paris (tt):

- ❖ **Điều 2** yêu cầu mỗi nước thành viên phải dành cho công dân của các nước thành viên khác sự bảo hộ đã dành cho công dân của nước mình;
- ❖ Trên *cơ sở nguyên tắc nộp đơn đầu tiên* tại một trong các nước thành viên, trong một thời hạn nhất định (12 tháng đối với sáng chế và giải pháp hữu ích; 6 tháng đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá) người nộp đơn có thể nộp đơn yêu cầu bảo hộ tại bất kỳ quốc gia thành viên nào khác. Đơn nộp trong trường hợp này được coi như được nộp cùng với thời điểm nộp đơn lần đầu (Art.4);
- ❖ Trong trường hợp một nhãn hiệu đã được đăng ký tại quốc gia gốc, ngoại trừ những ngoại lệ nhất định, phải được coi là đã nộp đơn và được bảo hộ tại các quốc gia thành viên khác như được bảo hộ tại quốc gia gốc (Điều.6 *quinquies*);

# A. Các quy định chính của Công ước

## Paris (tt):

- ❖ Các quốc gia thành viên phải **từ chối đăng ký và cấm** việc sử dụng **nhãn hiệu giả mạo, bắt chước, dịch lại nhãn gốc, hoặc có khả năng gây nhầm lẫn** với các nhãn hiệu được coi là nổi tiếng tại quốc gia đó (Điều.6 *bis*), hoặc nhãn hiệu có biểu tượng **quốc huy** hoặc biểu tượng, tên gọi, chữ viết tắt hoặc biểu tượng của các **tổ chức phi chính phủ** được sử dụng trong trao đổi tại Phòng quốc tế của WIPO (Điều. 6 *ter*);
- ❖ **Điều 12** của Công ước yêu cầu **mỗi quốc gia thành viên phải thành lập và duy trì** cơ quan cung cấp cho công chúng các dịch vụ công liên quan đến sáng chế (giải pháp hữu ích), kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hoá (Điều 12).

# B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam:

**1. Các quy định về Điều kiện bảo hộ quyền SHCN**, được quy định tại Chương VII (đc chia làm 7 Mục và quy định cụ thể từ Điều 58 – 85).

**Mục 1. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ (Đ.58 – Đ.62)**

**Mục 2. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP (Đ.63 – Đ.67)**

**Mục 3. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI THIẾT KẾ BỐ TRÍ (Đ.68 – Đ.71)**

**Mục 4. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU (Đ.72 – Đ.75)**

**Mục 5. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI TÊN THƯƠNG MẠI (Đ.76 – Đ.78)**

**Mục 6. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ (Đ.79 – Đ.83)**

**Mục 7. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI BÍ MẬT KINH DOANH (Đ.84 – Đ.85)**

# B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

Theo đó Luật này có đề cập **các đối tượng** được xếp vào diện bảo hộ quyền SHCN tại Việt Nam bao gồm:

1. Sáng chế.
2. Kiểu dáng công nghiệp
3. Thiết kế bố trí
4. Nhãn hiệu
5. Tên thương mại
6. Chỉ dẫn địa lý
7. Bí mật Kinh doanh

## So với Công ước Paris thì:

▣ **Cạnh tranh không lành mạnh**, trong giới hạn của Quyền SHCN tại PHẦN BA – Luật SHTT VN 2013, chỉ quy định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh mà không quy định các chế tài xử phạt... Tuy nhiên, vấn đề “**Chống cạnh tranh không lành mạnh**” thì Luật SHTT có đề cập tới “**Bảo Vệ Quyền SHTT - tại PHẦN THỨ NĂM**” để áp dụng chung với các đối tượng khác của Luật SHTT. (*Bên cạnh đó việc xử lý sẽ được áp dụng theo Luật cạnh tranh*).

▣ Đối tượng “**ngành sx nông nghiệp**” trong Luật SHTT được quy định tại PHẦN THỨ TƯ của Luật này. Tức là nó đứng độc lập so với Bảo hộ quyền SHCN

# B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

## Những yêu cầu của tên thương mại:

**Quy định về Quyền sở hữu tên thương mại** được xác lập trên cơ sở thực tiễn sử dụng hợp pháp tên thương mại đó tương ứng với khu vực là lãnh thổ kinh doanh, không cần thực hiện thủ tục đăng ký. Tên thương mại được bảo hộ khi có khả năng phân biệt, đáp ứng các điều kiện sau:

- *Không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thương mại mà tổ chức khác đã sử dụng trước trong cùng lĩnh vực, khu vực kinh doanh.*
- *Không thuộc các trường hợp như: Sử dụng tên gọi các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc các chủ thể không liên quan tới hoạt động kinh doanh (Điều 77, Điều 78 Luật SHTT).*
- *Ngoài ra những tên thương mại có thêm từ ngữ “tân” “cựu” “mới” trước, hoặc sau các tên thương mại đã có trước đó cũng không đáp ứng yêu cầu của tên thương mại.*
- *Chứa thành phần tên riêng, trừ trường hợp đã được biết rộng rãi.*

## **B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):**

Các quy định về **Xác lập quyền SHCN đối với sang chế, kiểu dáng CN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý**. Được quy định tại Chương VIII (được chia làm 4 Mục và quy định cụ thể từ Điều 86 – 120).

- **Mục 1. ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP, THIẾT KẾ BỐ TRÍ, NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ (Đ.86 – Đ.99)**
- **Mục 2. ĐƠN ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (Đ.100 – Đ.107)**
- **Mục 3. THỦ TỤC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ CẤP VĂN BẰNG BẢO HỘ (Đ.108 – Đ.119)**
- **Mục 4. ĐƠN QUỐC TẾ VÀ XỬ LÝ ĐƠN QUỐC TẾ (Đ.120)**

## B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

### *Quy định thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ các đối tượng SHCN:*

Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp được pháp luật đảm bảo độc quyền khai thác nhằm mục đích thương mại trong thời gian hiệu lực của văn bằng bảo hộ được quy định như sau:

- *Đối với sáng chế là 20 năm.*
- *Đối với giải pháp hữu ích là 10 năm.*
- *Đối với kiểu dáng công nghiệp tối đa là 15 năm.*



## B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

### *Quy định thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ các đối tượng SHCN (tt):*

- ***Đối với nhãn hiệu là 10 năm***, nhưng có thể được gia hạn liên tiếp 10 năm 1 lần và không giới hạn số lần gia hạn. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có thể bị đình chỉ hiệu lực theo yêu cầu của người khác trong trường hợp chủ sở hữu nhãn hiệu không sử dụng nhãn hiệu đó trong 5 năm liên tục. Giấy chứng nhận này cũng có thể bị huỷ bỏ hiệu lực theo yêu cầu của người khác trong trường hợp Giấy chứng nhận này được cấp cho người không có quyền nộp đơn đăng ký hoặc nhãn hiệu không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.
- ***Đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp có giá trị từ ngày cấp đến ngày sớm nhất trong những ngày sau:*** Ngày kết thúc 10 năm, kể từ ngày được cấp văn bằng. hoặc ngày kết thúc 10 năm kể từ ngày người có quyền nộp đơn, hoặc người được người có quyền nộp đơn cho phép khai thác thương mại lần đầu tiên tại bất kỳ nơi nào, hoặc ngày kết thúc 15 năm (Điều 93 Luật SHTT).



## B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

Các quy định về **Chuyển giao quyền SHCN**. Được quy định tại Chương X (*được chia làm 4 Mục và quy định cụ thể từ Điều 138 – 150*).

- Mục 1. **CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** (Đ.138 – Đ.140)
- Mục 2. **CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** (Đ.141 – Đ.144)
- Mục 3. **BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ** (Đ.145 – Đ.147)
- Mục 4. **ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** (Đ.148 – Đ.150)

## B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

*Theo đó Quy định về chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp như sau:*

- Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác.
- Việc chuyển nhượng quyền này phải thực hiện bởi hình thức hợp đồng bằng văn bản gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.



## B. Các quy định chính của theo Luật SHTT Việt Nam (tt):

*Có một số hạn chế trong việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp như:*

- Chỉ được chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp trong phạm vi được bảo hộ.
- Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng.
- Quyền sở hữu tên thương mại chỉ được chuyển nhượng kèm theo toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh với tên thương mại đó.
- Quyền sở hữu nhãn hiệu chỉ được chuyển nhượng nếu không gây sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu đó. Quyền đối với nhãn hiệu chỉ được chuyển giao cho tổ chức cá nhân đáp ứng điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó (Điều 138, Điều 139 Luật SHTT).



***Câu 3:***

***So sánh quy định về bảo hộ SHTT  
đối với mạch tích hợp hiệp ước  
Washington và luật SHTT Việt Nam***

# ***NỘI DUNG***

***1. Mạch tích hợp***

***2. So sánh quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với mạch tích hợp Hiệp ước Washington và Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.***

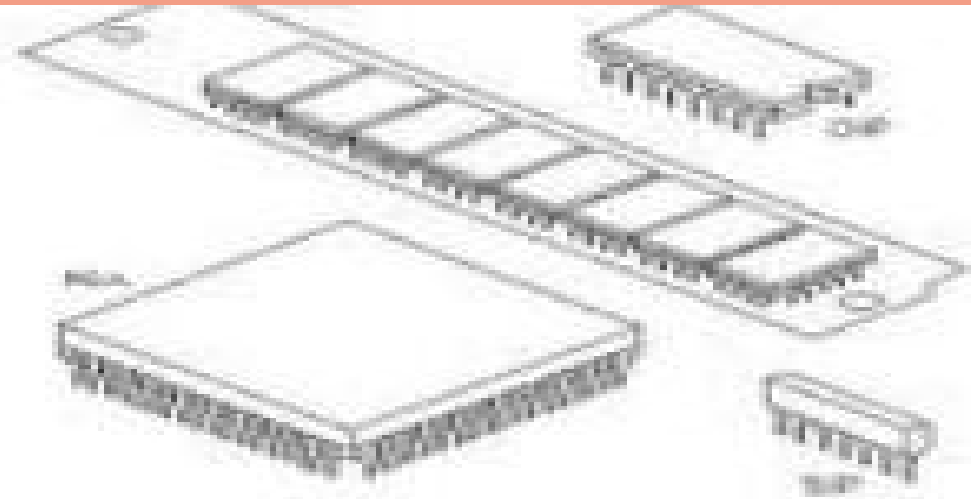
# Mạch tích hợp

Thuật ngữ “mạch tích hợp” theo định nghĩa tại Điều 2.i Hiệp ước Washington được hiểu là “một sản phẩm, dưới dạng thành phẩm hay bán sản phẩm, trong đó các phần tử mà ít nhất một trong số đó là phần tử tích cực, và một số hoặc tất cả các mối nối được gắn liền trong và/hoặc trên một mẫu vật liệu, nhằm thực hiện một chức năng điện tử”.

“Thiết kế bố trí” theo định nghĩa tại Điều 2.ii Hiệp ước Washington được hiểu là “sự sắp xếp trong không gian ba chiều thể hiện dưới hình thức bất kỳ của các phần tử mà ít nhất một trong số đó là phần tử tích cực, và của một số hoặc tất cả các mối nối của một mạch tích hợp, hoặc sự sắp xếp trong không gian ba chiều như vậy được thiết kế để sản xuất mạch tích hợp nêu trên”.



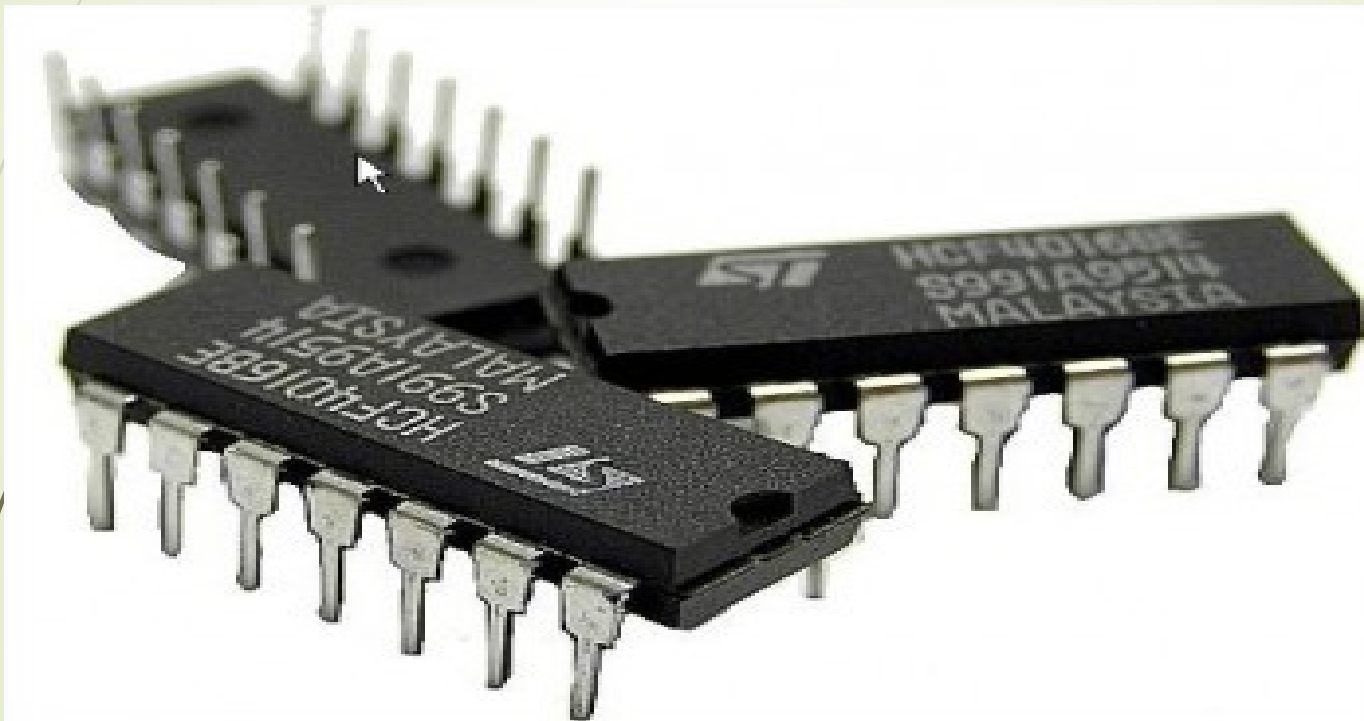
Mạch tích hợp điện tử được đăng ký tại Việt Tín



Thiết kế bố trí mạch tích hợp

# Mạch tích hợp

Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.



(Khoản 14 Điều 4 Luật SHTT)

## *Hiệp ước về Sở hữu trí tuệ liên quan đến mạch tích hợp-Hiệp ước Washington*

Việc bảo hộ thiết kế bố trí vi mạch bán dẫn hay còn gọi là cách bố trí được quy định trong Hiệp ước về Sở hữu trí tuệ liên quan đến mạch tích hợp được ký kết tại Washington ngày 26/5/1989 (Hiệp ước Washington).

Hiệp ước này ra đời sau việc ban hành hàng loạt đạo luật quốc gia, như Luật bảo hộ vi mạch bán dẫn của Hoa Kỳ năm 1984, quy định việc bảo hộ thiết kế bố trí như một quyền sở hữu trí tuệ riêng (“sui generis”).

Tại thời điểm ký kết Hiệp định TRIPS, Hiệp ước Washington chưa bắt đầu có hiệu lực vì chỉ mới thu hút được 8 nước ký kết Hiệp ước này. Các điểm chưa thỏa đáng nhận thấy được của Hiệp ước Washington được giải quyết bằng việc bổ sung các Điều từ 36 đến 39 của Hiệp định TRIPS.



# *Hiệp ước về Sở hữu trí tuệ liên quan đến mạch tích hợp-Hiệp ước Washington*

**Cơ chế bảo hộ**

**Nghĩa vụ bảo hộ thiết kế bố trí (cách sắp xếp)**

**Yêu cầu về tính nguyên gốc**

**Hình thức bảo hộ pháp lý**

**Các hành vi bất hợp pháp**

**Thời hạn bảo hộ**

**Các hành vi không bị coi là xâm phạm quyền**

## *Cơ chế bảo hộ*

- ▣ Điều 35 của Hiệp định TRIPS kết hợp các Điều từ 2 và 7 (không kể khoản 3 Điều 6) của Hiệp ước Washington, cũng như Điều 12 và Điều 16 khoản 3 của Hiệp ước này.
- ▣ Nghĩa vụ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế bố trí được quy định tại Điều 3 Hiệp ước Washington.

# *Nghĩa vụ bảo hộ thiết kế bố trí (cách sắp xếp)*

- ▣ Điều 3.1 của Hiệp ước Washington bắt buộc các Bên Ký kết phải bảo đảm chế độ bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các thiết kế bố trí (cách sắp xếp) phù hợp với Hiệp ước, kể cả việc cấm các hành vi bất hợp pháp và quy định các chế tài pháp lý thích hợp để xử lý các hành vi đó. Việc bảo hộ theo Hiệp ước sẽ được áp dụng bất luận mạch tích hợp đó có nằm trong sản phẩm hay không.
- ▣ Điều 7.1 Hiệp ước Washington cho phép các Bên ký kết không bảo hộ thiết kế bố trí (cách sắp xếp) cho đến khi thiết kế bố trí đó được khai thác thương mại bình thường một cách riêng rẽ hoặc được kết hợp trong một mạch tích hợp ở một nơi nào đó trên thế giới”.

# *Yêu cầu về tính nguyên gốc*

- Điều 3.2.a Hiệp ước Washington quy định nghĩa vụ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các thiết kế bố trí (cách sắp xếp) “có tính nguyên gốc theo nghĩa các thiết kế bố trí đó là thành quả của những người tạo ra chúng và không phải là thông thường đối với các nhà chế tạo các thiết kế bố trí (cách sắp xếp) và các nhà sản xuất mạch tích hợp tại thời điểm tạo ra chúng”.
- Điều 3.2. b cho phép bảo hộ các phần tử thông thường của thiết kế bố trí nếu sự kết hợp các phần tử là nguồn gốc theo nghĩa nêu tại điểm (a) trên đây.

# *Hình thức bảo hộ pháp lý*

- Mặc dù Hiệp ước Washington nôn nóng về nhu cầu thiết lập một chế độ bảo hộ riêng (sui generis) đối với thiết kế bố trí, Điều 4 của Hiệp ước cho phép các Thành viên thực hiện các nghĩa vụ thông qua hệ thống pháp luật đặc biệt, hoặc thông qua các luật về quyền tác giả, sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, cạnh tranh không lành mạnh hoặc sự kết hợp bất kỳ giữa của các luật này.
- Điều 12 Hiệp ước bảo lưu nghĩa vụ của các Bên tham gia Công ước Bern và Công ước Paris. Phù hợp với điều này, Điều 5 của Hiệp ước Washington yêu cầu các Bên ký kết áp dụng nguyên tắc đối xử quốc gia. Chẳng hạn, pháp luật của Ôxtrâyliya, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ quy định việc bảo hộ đối với công dân các nước khác chỉ khi các nước đó quy định việc bảo hộ cho công dân nước mình.

# *Các hành vi bất hợp pháp*

- Điều 6.a của Hiệp ước Washington quy định các hành vi sau đây là bất hợp pháp nếu được thực hiện mà không được phép của chủ sở hữu quyền
- Điều 6.b cho phép các Bên ký kết quy định cụ thể các hành vi khác được coi là bất hợp pháp được thực hiện mà không có sự cho phép của chủ thể quyền.
- Điều 36 của Hiệp định TRIPS bổ sung hành vi “nhập khẩu, bán, hoặc phân phối theo cách khác vì mục đích thương mại một thiết kế bố trí được bảo hộ một mạch tích hợp chứa một thiết kế bố trí được bảo hộ, hoặc một sản phẩm chứa mạch tích hợp chỉ khi nó tiếp tục chứa một thiết kế bố trí sao chép bất hợp pháp.

# *Thời hạn bảo hộ*

- Khi đăng ký là điều kiện bắt buộc của việc bảo hộ, Điều 38.1 của Hiệp định TRIPS quy định rằng “thời hạn bảo hộ thiết kế bố trí không kết thúc trước 10 năm tính từ ngày nộp đơn đăng ký hoặc ngày bắt đầu khai thác thương mại ở lần đầu nơi bất kỳ trên thế giới”.
- Trường hợp đăng ký không phải là điều kiện bắt buộc của việc bảo hộ, Điều 38.2 quy định thời hạn bảo hộ “không ngắn hơn 10 năm tính từ ngày khai thác thương mại lần đầu ở nơi bất kỳ trên thế giới.”
- Điều 38.3 cho phép các nước thành viên quy định rằng việc bảo hộ sẽ hết hiệu lực sau 15 năm kể từ khi thiết kế bố trí được tạo ra.

# *Các hành vi không bị coi là xâm phạm quyền*

- Kỹ thuật phân tích ngược Điều 6.2.a của Hiệp ước Washington cho phép sao chép mà không cần phải xin phép các thiết kế bố trí nhằm “mục đích cá nhân hoặc nhằm một mục đích duy nhất đánh giá, phân tích, nghiên cứu hoặc giảng dạy”.
- Nếu trên cơ sở “đánh giá hoặc phân tích đó” mà một Bên thứ ba tạo ra được một thiết kế bố trí nguyên gốc, Điều 6.2.b cho phép kết hợp thiết kế bố trí hoặc cách sắp xếp đó trong một mạch tích hợp hoặc thực hiện hành vi bất kỳ nêu tại đoạn (1) mà không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu thiết kế bố trí mà đã được phân tích và đánh giá.



## *Hiệp ước về Sở hữu trí tuệ liên quan đến mạch tích hợp-Hiệp ước Washington*

### *Tạo ra một cách độc lập*

Điều 6.2.c không cho phép chủ thể quyền đối với thiết kế bố trí (cách sắp xếp) thực hiện quyền của mình đối với một thiết kế trùng lặp nhưng được tạo ra một cách độc lập.

### *Xâm phạm do vô tình/không cố ý:*

Điều 6.4 của Hiệp ước Washington cho phép các Bên ký kết không coi các hành vi là trái phép các hành vi nêu tại đoạn 1.a.i nếu khi tiếp nhận mạch tích hợp nói trên, người thực hiện hoặc người ra lệnh thực hiện hành vi đó không biết hoặc không có cơ sở để biết rằng mạch tích hợp đó mang thiết kế bố trí bị sao chép một cách bất hợp pháp.

# *Hiệp ước về Sở hữu trí tuệ liên quan đến mạch tích hợp-Hiệp ước Washington*

## **Đăng ký**

Điều 7.2 của Hiệp ước Washington quy định việc bảo hộ thiết kế bố trí (cách sắp xếp) thông qua hệ thống đăng ký. Đơn đăng ký được nộp cùng với một bản sao hoặc bản vẽ thiết kế bố trí (cách sắp xếp) và khi mạch tích hợp đã được khai thác thương mại, đơn đăng ký phải nộp cùng với mẫu mạch tích hợp đó “cùng với các thông tin xác định chức năng điện tử mà vi mạch điện tử dự định thực hiện”.

Điều 7.2.b cho phép các Bên ký kết quy định rằng việc nộp đơn đăng ký có hiệu lực trong một thời hạn nhất định tính từ ngày chủ thể quyền khai thác lần đầu thiết kế bố trí (cách sắp xếp) đó tại nơi bất kỳ trên thế giới theo các kênh thương mại thông thường, với điều kiện thời hạn đó không vượt quá hai năm tính từ ngày bắt đầu khai thác.

# So Sánh

## Hiệp ước Washington

- Yêu cầu tính nguyên gốc.
- Qui định nghĩa vụ bảo hộ các thiết kế bố trí
- Chỉ qui định quyền của chủ sở hữu thiết kế bố trí
- Không có qui định nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả thiết kế bố trí
- Người nộp đơn đăng ký không cần đề cập trong bản sao hoặc bản vẽ thiết kế bố trí (topograph) đó các phần liên quan đến phương pháp sản xuất mạch tích hợp đó, miễn là các phần được nộp đủ để cho phép xác định rõ thiết kế bố trí (topograph) đó.
- Không qui định việc từ chối cấp văn bằng bảo hộ
- Không có qui định

## Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam

- Yêu cầu tính nguyên gốc và tính mới thương mại.
- Qui định thêm người có quyền đăng ký thiết kế bố trí có quyền chuyển giao quyền đăng ký cho tổ chức, cá nhân khác dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, đề thừa kế hoặc kế thừa theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp đã nộp đơn đăng ký.
- Qui định thêm quyền của tác giả thiết kế bố trí
- Có qui định cụ thể nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả thiết kế bố trí .
- Phải có bản vẽ, ảnh chụp thiết kế bố trí, thông tin về chức năng, cấu tạo của mạch tích hợp bán dẫn sản xuất theo thiết kế bố trí
- Qui định việc từ chối cấp văn bằng bảo hộ
- Có qui định đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa thiết kế bố trí .



## *Câu 4:*

**Quy định của PL Việt Nam về các  
đối tượng SHTT và tiêu chuẩn bảo  
hộ các đối tượng SHTT**

# Những quy định chung của PLVN về các đối tượng SHTT

## **Điều 6. Căn cứ phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ**

1. Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký.
2. Quyền liên quan phát sinh kể từ khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá được định hình hoặc thực hiện mà không gây phương hại đến quyền tác giả.



### 3. Quyền sở hữu công nghiệp được xác lập như sau:

- a) Quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật này hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký;
- b) Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó;
- c) Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó;
- d) Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh.

4. Quyền đối với giống cây trồng được xác lập trên cơ sở quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật này.

## **Điều 7. Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ**

1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật này.
2. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp.

# Điều kiện bảo hộ quyền TÁC GIẢ

## ***Điều 13. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả***

1. Tổ chức, cá nhân có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả gồm người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm và chủ sở hữu quyền tác giả quy định tại các điều từ **Điều 37 đến Điều 42** của Luật này.
2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả quy định tại khoản 1 Điều này gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam mà chưa được công bố ở bất kỳ nước nào hoặc được công bố đồng thời tại Việt Nam trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày tác phẩm đó được công bố lần đầu tiên ở nước khác; tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.



## **Điều 14. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả**

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ
- Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.
- Tác phẩm được bảo hộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.



# Điều kiện bảo hộ Quyền liên quan

## **Điều 16. Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền liên quan**

1. Diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ thuật (sau đây gọi chung là người biểu diễn).
2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu cuộc biểu diễn quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật này.
3. Tổ chức, cá nhân định hình lần đầu âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác (sau đây gọi là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình).
4. Tổ chức khởi xướng và thực hiện việc phát sóng (sau đây gọi là tổ chức phát sóng).

## **Điều 17. Các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ**

# Điều kiện bảo hộ đối với sáng chế

## **Điều 58. Điều kiện chung đối với sáng chế được bảo hộ**

1. Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới (**điều 60**);
- b) Có trình độ sáng tạo (**điều 61**);
- c) Có khả năng áp dụng công nghiệp (**điều 62**).

2. Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu không phải là hiểu biết thông thường và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới;
- b) Có khả năng áp dụng công nghiệp.

# ĐK bảo hộ đối với kiểu dáng công nghiệp



## **Điều 63. Điều kiện chung đối với kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ**

Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

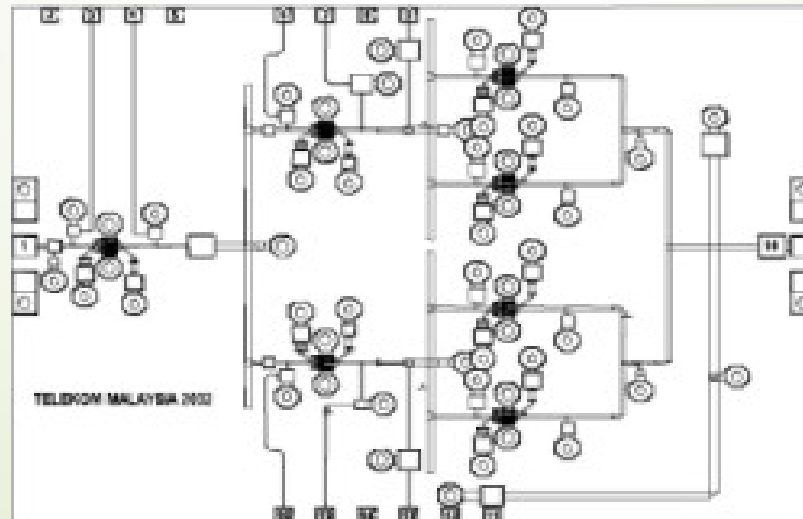
1. Có tính mới (**điều 65**);
2. Có tính sáng tạo (**điều 66**);
3. Có khả năng áp dụng công nghiệp (**điều 67**).

# Điều kiện bảo hộ đối với thiết kế bố trí

## **Điều 68. Điều kiện chung đối với thiết kế bố trí được bảo hộ**

Thiết kế bố trí được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có tính nguyên gốc (**điều 70**);
2. Có tính mới thương mại (**điều 71**).



# Điều kiện bảo hộ đối với nhãn hiệu

## **Điều 72. Điều kiện chung đối với nhãn hiệu được bảo hộ**

Nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;
2. Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác.



# Điều kiện bảo hộ đối với tên thương mại

## ***Điều 76. Điều kiện chung đối với tên thương mại được bảo hộ***

Tên thương mại được bảo hộ nếu có khả năng phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên thương mại đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.



# Điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý

## **Điều 79. Điều kiện chung đối với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ**

Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý;
2. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.





# Điều kiện bảo hộ đối với bí mật kinh doanh

## ***Điều 84. Điều kiện chung đối với bí mật kinh doanh được bảo hộ***

Bí mật kinh doanh được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:


1. Không phải là hiểu biết thông thường và không dễ dàng có được;
2. Khi được sử dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nắm giữ bí mật kinh doanh lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng bí mật kinh doanh đó;
3. Được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

# Điều kiện bảo hộ đối với giống cây trồng

## **Điều 158. Điều kiện chung đối với giống cây trồng được bảo hộ**

Giống cây trồng được bảo hộ là giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển, thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có tính mới (**điều 159**), tính khác biệt (**điều 160**), tính đồng nhất (**điều 161**), tính ổn định (**điều 162**) và có tên phù hợp (**điều 163**).





*Câu 5:*

**Bảo đảm thực thi quyền SHTT theo  
TRIPs và PLVN**



# **NỘI DUNG**

## **1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC THI QUYỀN SHTT THEO TRIPs và theo PLVN.**

### **1.1 Khái niệm thực thi quyền SHTT**

### **1.2 Vai trò thực thi quyền SHTT**

## **2. NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT**

### **2.1 Nguyên tắc đối xử quốc gia**

### **2.2 Nguyên tắc tối huệ quốc**

### **2.3 Nguyên tắc bình đẳng**

## **3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT**

### **3.1 Biện pháp dân sự và chế tài dân sự**

### **3.2 Biện pháp hình sự và chế tài hình sự**

### **3.3 Biện pháp hành chính và chế tài hành chính**

### **3.4 Biện pháp kiểm soát biên giới**

# 1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC THI QUYỀN SHTT THEO TRIPs và theo PLVN

## 1.1 Khái niệm thực thi quyền SHTT

- Thực thi quyền SHTT bao gồm các hình thức thủ tục và các chế tài pháp lý do pháp luật quy định, những hình thức thủ tục và các hình thức chế tài này nhằm trợ giúp cho chủ sở hữu không chỉ đạt quyền của họ từ các cơ quan chức năng mà còn đạt được các quyền của mình thông qua việc ngăn chặn các hành vi vi phạm các quyền lợi của họ từ những người khác, chủ yếu từ những đối thủ cạnh tranh.

## 1.2 Vai trò thực thi quyền SHTT

- Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại TTP trong một bối cảnh nền kinh tế có nhiều chuyển biến sâu sắc với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường với đa hình thức sở hữu, có sức cạnh tranh mạnh mẽ, chúng ta đã thu được những thành tựu đáng khích lệ, bên cạnh đó chúng ta cũng đối mặt với những thách thức mới đầy khó khăn và quyết liệt của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

## 1.2 Vai trò thực thi quyền SHTT

- Một trong những thách thức lớn là vấn đề đảm bảo thực thi quyền SHTT cho phù hợp với yêu cầu của các văn bản pháp lý quốc tế mà điển hình là hiệp định TRIPs.
- Nhằm đáp ứng các yêu cầu đòi hỏi của hiệp định TRIPs/TTP, trong những năm qua chúng ta luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật về SHTT, đặc biệt là các quy định của pháp luật cũng như cơ chế, phương thức để thực thi các quyền về SHTT.



## **2. NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ THỰC THI QUYỀN SHTT**

**2.1 Nguyên tắc đối xử quốc gia**

**2.2 Nguyên tắc tối huệ quốc**

**2.3 Nguyên tắc bình đẳng**



### 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

#### 3.1 Biện pháp dân sự và chế tài dân sự

##### a) Yêu cầu của thủ tục tố tụng dân sự

###### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

(Điều 42- 49)

- Công bằng và bình đẳng (Điều 42);
- Chứng cứ (Điều 43);
- Lệnh của tòa án (Điều 44);
- Bồi thường thiệt hại (Điều 45);
- Quyền được thông tin (Điều 47);
- Bồi thường cho bị đơn (Điều 48);
- Áp dụng những hướng dẫn nêu trên trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính (Điều 49).

###### THEO PLVN

- Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 của Việt Nam
- + Điều 146,
- + Điều 69.2
- + Điều 97.2
- + Điều 236.3

### 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

#### 3.1 Biện pháp dân sự và chế tài dân sự

##### b) Các biện pháp tạm thời

###### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

###### ( Điều 50)

- Ngăn chặn hành vi vi phạm quyền SHTT từ nơi xảy ra
- Ngăn chặn bán hàng hóa vi phạm vào các kênh thương mại
- Lưu giữ các chứng cứ liên quan đến hành vi bị khiếu kiện

###### THEO PLVN

- Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 của Việt Nam ( Điều 102; Điều 99, Điều 117)
- + Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp (Điều 102.7)

### 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

#### 3.1 Biện pháp dân sự và chế tài dân sự

##### c) Các biện pháp chế tài dân sự

###### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

- Yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm (Điều 44)
- Yêu cầu bồi thường thiệt hại:
  - + Có thiệt hại thực tế xảy ra
  - + Có hành vi vi phạm pháp luật

###### THEO PLVN

- Điều 265.c.1, Điều 796, BLDS
- Điều 612, BLDS

### 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

#### 3.2 Biện pháp hình sự và chế tài hình sự

##### a) Yêu cầu của thủ tục tố tụng hình sự

#### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

##### (Điều 51)

Cố ý giả mạo nhãn hiệu hoặc sao chép lậu với quy mô thương mại.

- Hàng giả thế hệ thứ nhất
- Hàng giả thế hệ thứ hai
- Hàng giả thế hệ thứ ba

#### THEO PLVN

(Chỉ thị số 31/1999/T-TTG về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả)

- Hàng giả về nội dung
- Hàng giả về hình thức
- Hàng giả về nội dung và hình thức

### 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

#### 3.2 Biện pháp hình sự và chế tài hình sự

##### b) Các biện pháp chế tài hình sự

#### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

##### (Điều 61)

- Phạt tù và hoặc phạt tiền
- Các chế tài hình sự khác: tịch thu, trưng thu, tiêu hủy hàng hóa vi phạm và bất kỳ vật liệu, phương tiện nào được sử dụng chủ yếu để thực hiện hành vi phạm tội

#### THEO PLVN

- Luật SHTT quy định: cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu TNHS theo Luật HS ( Điều 215)

## 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

### 3.3 Biện pháp hành chính và chế tài hành chính

#### a) Các yêu cầu của thủ tục hành chính

##### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

##### (Điều 49)

- Thủ tục và chế tài hành chính được quy định là sự thêm vào của thủ tục dân sự.

##### THEO PLVN

- Nghị định 12/NĐ – CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp
- Nghị định 31/2001NĐ – CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa – thông tin.

## 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

### 3.3 Biện pháp hành chính và chế tài hành chính

#### b) Các biện pháp chế tài hành chính

##### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

- Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính liên quan đến quyền của công dân cho nên quyết định đó chỉ được đưa ra khi có căn cứ cụ thể và dựa trên các nguyên tắc luật định

##### THEO PLVN (Điều 217, Luật SHTT )

- Cảnh cáo  
- Phạt tiền  
- Hình thức xử phạt bổ sung:  
+ Tịch thu  
+ Đình chỉ  
+ Buộc tiêu hủy  
+ Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ VN

## 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

### 3.4 Biện pháp kiểm soát biên giới

#### a) Các yêu cầu của thủ tục thực thi tại biên giới

##### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

(Điều 51-60)

-Quy định nhằm xử lý hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hóa sao chép lậu

-Biện pháp biên giới áp dụng đối với việc nhập khẩu hàng hóa bị coi là vi phạm SHTT, không áp dụng đối với xuất khẩu

##### THEO PLVN

(Điều 57, Luật Hải Quan Việt Nam)

-Mọi quyền SHTT đều được bảo vệ bởi biện pháp biên giới.

-Biện pháp biên giới áp dụng, cả đối với việc nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa bị coi là vi phạm SHTT.



### 3. CÁC BIỆN PHÁP THỰC THI QUYỀN SHTT

#### 3.4 Biện pháp kiểm soát biên giới

##### b) Các biện pháp chế tài

#### THEO HIỆP ĐỊNH TRIPS

- Đình chỉ việc thông quan đối với hàng hóa
- Biện pháp chế tài khác

#### THEO PLVN

- ( Điều 14.2, nghị định 101/2001/ NĐ – CP, quy định thi hành về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan,... Luật hải quan)



Thank you!